

TỜ TRÌNH

Số 02 /2026/TT-LICOGI13-HĐQT ngày 28/4/2026

Về việc: *Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; giao dịch giữa các bên liên quan và Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần LICOGI 13**

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam; Giao dịch với các bên liên quan và lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 như sau:

- Các nội dung trong BCTC đã kiểm toán bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng giám đốc; Báo cáo của kiểm toán độc lập; Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025; Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025; Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025 đã được công bố thông tin theo qui định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần LICOGI 13 ([www.licogi13.com.vn](http://www.licogi13.com.vn))

- Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần LICOGI 13:

a. Báo cáo tài chính Công ty Mẹ:

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Tên chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>3.434.163.068.588</b>	<b>2.917.942.789.298</b>
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1.278.068.543.428</b>	<b>1.229.277.629.901</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	62.837.117.215	16.964.435.833
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.600.000.000	11.600.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	996.263.486.646	1.078.939.201.895
4	Hàng tồn kho	196.881.853.636	107.975.496.606
5	Tài sản ngắn hạn khác	10.486.085.931	13.798.495.567
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>2.156.094.525.160</b>	<b>1.688.665.159.397</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	243.268.547.335	10.912.531.034
2	Tài sản cố định	126.250.052.826	133.238.455.051
3	Bất động sản đầu tư	18.850.000.000	38.974.535.991
4	Tài sản dở dang dài hạn	82.365.515.237	77.523.663.464
5	Đầu tư tài chính dài hạn	1.680.920.830.925	1.427.973.584.975
6	Tài sản dài hạn khác	4.439.578.837	42.388.882
<b>II</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>3.434.163.068.588</b>	<b>2.917.942.789.298</b>
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>2.425.852.548.007</b>	<b>1.942.412.245.330</b>
1	Nợ ngắn hạn	976.170.996.245	1.181.315.515.963

**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**

2	Nợ dài hạn	1.449.681.551.762	761.096.729.367
<b>B</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.008.310.520.581</b>	<b>975.530.543.968</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	950.845.690.000	950.845.690.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	-838.950.000	-838.950.000
3	Cổ phiếu quỹ	-12.034.773.335	-12.034.773.335
4	Quỹ đầu tư phát triển	13.714.133.758	13.552.772.600
5	LNST chưa phân phối	56.624.420.158	24.005.804.703
<b>III</b>	<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>		
1	Doanh thu thuần	1.254.292.942.434	1.084.853.788.663
2	Lợi nhuận sau thuế 2025	32.941.337.771	3.227.223.156

**b. Báo cáo tài chính hợp nhất :**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Tên chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>7.687.966.650.178</b>	<b>6.083.725.943.978</b>
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>4.749.807.687.975</b>	<b>3.734.010.298.544</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	81.183.589.740	36.636.267.168
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	171.823.587.123	67.937.334.003
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.461.016.925.703	3.019.690.844.458
4	Hàng tồn kho	977.772.005.100	569.398.906.174
5	Tài sản ngắn hạn khác	58.011.580.309	40.346.946.741
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>2.938.158.962.203</b>	<b>2.349.715.645.434</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	405.593.643.528	228.115.430.311
2	Tài sản cố định	1.004.197.616.151	232.530.754.844
3	Bất động sản đầu tư	132.963.470.488	86.376.056.707
4	Tài sản dở dang dài hạn	793.806.436.908	1.253.028.054.703
5	Đầu tư tài chính dài hạn	551.578.706.458	490.742.018.990
6	Tài sản dài hạn khác	50.019.088.670	58.923.329.879
<b>II</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>7.687.966.650.178</b>	<b>6.083.725.943.978</b>
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>6.353.610.653.871</b>	<b>4.940.781.331.785</b>
1	Nợ ngắn hạn	4.151.946.233.957	3.438.757.156.071
2	Nợ dài hạn	2.201.664.419.914	1.502.024.175.714
<b>B</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.334.355.996.307</b>	<b>1.142.944.612.193</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	950.845.690.000	950.845.690.000

**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**

2	Thặng dư vốn cổ phần	308.550.000	308.550.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu		50.149.592
4	Cổ phiếu quỹ	-12.034.773.335	-12.034.773.335
5	Quỹ đầu tư phát triển	20.753.448.441	20.157.161.767
6	Quỹ khác thuộc vốn CSH	44.624.422	44.624.422
7	LNST chưa phân phối	28.713.184.882	6.309.787.855
8	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	345.725.271.897	177.263.421.892
<b>III</b>	<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>		
1	Doanh thu thuần	4.661.809.579.422	3.695.151.811.446
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2025	30.821.469.854	6.055.366.559
3	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	8.095.350.511	3.966.254.042
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty Mẹ	22.726.119.343	2.089.112.517
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	241	20

**3. Giao dịch với các bên liên quan** được trình bày tại thuyết minh số 7.1 trong báo cáo tài chính riêng năm 2025 và thuyết minh số 7.1 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.

**4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:**

Để đảm bảo quyền lợi và lợi ích cho cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 13 trình Đại hội đồng cổ đông ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán có năng lực, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 (*Danh sách các đơn vị kiểm toán đính kèm*)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Cổ đông LIG;
- HĐQT, BKS, TGD.
- Lưu KHTH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Phạm Văn Thăng**

**DANH SÁCH DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIÊN  
HÀNH NGHỀ ĐƯỢC CHẤP THUẬN KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI  
ÍCH CÔNG CHỨNG THUỘC LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN NĂM 2026**  
(Kèm theo Quyết định số 902/QĐ-UBCK ngày 19/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban  
Chứng khoán Nhà nước)

<b>STT</b>	<b>TÊN CÔNG TY</b>
1	Công ty TNHH KPMG (KPMG)
2	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
4	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC (Moore AISC)
5	Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC)
6	Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam (GT)
7	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
8	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
9	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG (PKF-TTG)
10	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (RSM)
11	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
12	Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO)
13	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte)
14	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
15	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
16	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
17	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY)
18	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NTV)
19	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
20	Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO)
21	Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (ECOVIS AFA)
22	Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO (ASCO)
23	Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)
24	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (An Việt)
25	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV)
26	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

## ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

---

27	Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VN)
28	Công ty TNHH Kiểm toán FAC (FAC)